

Căn cứ Nghị định số 117-CP ngày 31-7-1967 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam;
Xét đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Đổi tên Viện Luật học thành Viện Nhà nước và pháp luật thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam.

Điều 2. — Viện Nhà nước và pháp luật có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận về Nhà nước và pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin, vận dụng lý luận đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; từng bước xây dựng lý luận pháp luật Việt Nam, tích cực góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Điều 3. — Nhiệm vụ cụ thể của Viện Nhà nước và pháp luật do Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam quy định trên cơ sở biên chế và tổ chức hiện có.

Điều 4. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

TỔ HỮU

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 65-HĐBT ngày 28-5-1986 về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 và lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), các Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 10-8-1985 và số 31-NQ/TU ngày 24-2-1986 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 31-HĐBT ngày 28-3-1986 của Hội đồng Bộ trưởng;

Đề phát huy vai trò quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước về các mặt tiền tệ, tín dụng, thanh toán; đồng thời chuyển mạnh các hoạt động của Ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa phục vụ tốt cho sản xuất, xây dựng, chiến đấu và đời sống của nhân dân;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Ngân hàng Nhà nước là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và kinh doanh về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, về ngoại hối, vàng bạc, kim khí quý và đá quý trong phạm vi cả nước.

Điều 2. — Ngân hàng Nhà nước có những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể sau đây :

1. Nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định các chủ trương, chính sách và chế độ quản lý Nhà nước về tiền tệ, tín dụng, thanh toán (trong nước và ngoài nước), về ngoại hối, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

2. Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và các ngành liên quan lập và trình Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn kế hoạch tiền mặt, kế hoạch tín dụng tổng hợp hàng năm và từng quý cùng lúc với kế hoạch kinh tế quốc dân và dự án ngân sách Nhà nước; tổ chức chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch đó.

3. Thực hiện việc Nhà nước độc quyền in và phát hành giấy bạc; được Hội đồng Bộ trưởng ủy nhiệm quản lý quỹ dự trữ phát hành của Nhà nước; trực tiếp điều hành việc phân phối, sử dụng quỹ điều hòa phát hành, tổ chức và chỉ đạo lưu thông tiền tệ trong phạm vi cả nước theo kế hoạch quý và năm đã được Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn.

4. Tổ chức thực hiện công tác thanh toán trong nền kinh tế quốc dân.

5. Chấp hành ngân sách Nhà nước về phương diện quỹ.

6. Thực hiện việc Nhà nước độc quyền quản lý và kinh doanh ngoại hối, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

7. Ký kết hoặc được Hội đồng Bộ trưởng ủy nhiệm ký kết các hiệp định về tiền tệ — tín dụng — thanh toán đối ngoại, và về hợp tác khoa học — kỹ thuật thuộc nghiệp vụ ngân hàng.

8. Tổ chức kinh doanh về tiền tệ, tín dụng, về ngoại hối, vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo các chính sách, chế độ và pháp luật Nhà nước; đồng thời, thông qua đó, thực hiện kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động sản xuất—kinh doanh, thúc đẩy các ngành, xí nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa:

Điều 3. — Hệ thống ngân hàng bao gồm Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng chuyên nghiệp trực thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Các ngân hàng chuyên nghiệp được tổ chức chi nhánh tại các tỉnh, thành phố, đặc khu, huyện, quận và các vùng kinh tế tập trung.

Điều 4. — Các ngân hàng chuyên nghiệp trực thuộc Ngân hàng Nhà nước gồm có:

— Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

— Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Việt Nam.

— Ngân hàng phục vụ dân cư Việt Nam.

Các Ngân hàng chuyên nghiệp Việt Nam có tư cách pháp nhân, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế.

Điều 5. — Tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước trung ương gồm có:

— Vụ Kinh tế — kế hoạch.

— Vụ Tiền tệ — tín dụng quốc tế.

— Vụ Chế độ và pháp chế.

— Vụ Lưu thông tiền tệ.

— Vụ Nghiệp vụ phát hành và kho quỹ.

www.LuuVienPhapLuat.com
096547...
Tel: +84-8-3845 6684

— Vụ Tín dụng công nghiệp, giao thông, vận tải và bưu điện (gọi tắt là Vụ Tín dụng công nghiệp).

— Vụ Tín dụng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (gọi tắt là Vụ Tín dụng nông nghiệp).

— Vụ Tín dụng thương nghiệp, vật tư, văn hóa, y tế (gọi tắt là Vụ Tín dụng thương nghiệp).

— Vụ Kế toán — tài vụ.

— Vụ Chấp hành quỹ ngân sách Nhà nước.

— Vụ Tổ chức và cán bộ.

— Ban Thanh tra.

— Văn phòng.

— Viện Nghiên cứu tiền tệ — tín dụng — ngân hàng.

— Các trường cao cấp nghiệp vụ và các trường trung học ngân hàng.

— Các nhà in ngân hàng và các xí nghiệp chuyên dùng.

— Trung tâm tính toán ngân hàng.

Điều 6. — Ngân hàng Nhà nước do Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước lãnh đạo giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng giám đốc.

Giám đốc Ngân hàng chuyên nghiệp do Tổng Giám đốc phân công một Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước kiêm nhiệm; Phó giám đốc ngân hàng chuyên nghiệp có thể là cấp Vụ trưởng.

Điều 7. — Nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cụ thể của các tổ chức nói ở điều 4 và điều 5 do Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 8. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế những quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước tại Quyết định số 163-CP ngày 16-6-1977 của Hội đồng Chính phủ.

Điều 9. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

TÓ HỮU

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 79-HĐBT ngày 2-7-1986 về việc thành lập Viện Nghiên cứu vật liệu.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;